

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Quyên.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Thu Hà**.
2. Ông **Đinh Minh Phương**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Thành** - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Mai Trần C** – sinh ngày: 17/10/1987 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Lê Thị H** - sinh ngày: 20/10/1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp N, xã Q, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Mai Trần C có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2025 anh Mai Trần C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (nay là phường M, tỉnh Đồng Nai). Sau ngày cưới vợ chồng anh sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 13 năm đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị H không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị H đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 04 người con chung tên Mai Duy B, sinh ngày 15/01/2008; Mai Nhật T, sinh ngày 13/10/2010; Mai Chí L, sinh ngày 12/5/2015 và Mai Ngọc Thiên L1, sinh ngày 14/9/2017. Hiện nay cháu B, cháu T, cháu L và cháu Thiên L1 đang sống chung với anh C. Sau khi ly hôn anh C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B, cháu T, cháu L và cháu Thiên L1, anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị H không đến Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long) giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh C và bị đơn chị H, chị H có nơi cư trú tại ấp N, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp N, xã Q, tỉnh Vĩnh Long). Theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Nguyên đơn anh C có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh C. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị H vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị H do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (nay là phường M, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 25/10/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo anh C trình bày thì thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 13 năm đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị H không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh C và chị H không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh C yêu cầu ly hôn với chị H, chị H vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

Về con chung: Anh C và chị H có 04 người con chung tên Mai Duy B, sinh ngày 15/01/2008; Mai Nhật T, sinh ngày 13/10/2010; Mai Chí L, sinh ngày 12/5/2015 và Mai Ngọc Thiên L1, sinh ngày 14/9/2017. Hiện nay cháu B, cháu T, cháu L và cháu Thiên L1 đang sống chung với anh C. Sau khi ly hôn anh C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B, cháu T, cháu L và cháu Thiên L1, anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh C và chị H không còn chung sống với nhau cho đến nay thì cháu B, cháu T, cháu L và cháu Thiên L1 sống chung với anh C. Tại các bản khai ý kiến cùng ngày 22/5/2025 của cháu B, cháu T, cháu L và cháu Thiên L1 thì cháu B, cháu T, cháu L và cháu Thiên L1 cùng có nguyện vọng sống chung với anh C, chị H vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C nên giao cháu B, cháu T, cháu L và cháu Thiên L1 cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh M Trần Chí .

Về hôn nhân: Cho anh Mai Trần C được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Giao cháu Mai Duy B, sinh ngày 15/01/2008; Mai Nhật T, sinh ngày 13/10/2010; Mai Chí L, sinh ngày 12/5/2015 và Mai Ngọc Thiên L1, sinh ngày 14/9/2017 cho anh M Trần Chí trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Anh Mai Trần Chí K yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Lê Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Mai Trần Chí K yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Lê Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Mai Trần C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Mai Trần C đã nộp theo biên lai thu số N^o0010021, ngày 03/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Vĩnh Long). Anh Mai Trần C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 4 – Vĩnh Long;
- UBND phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Ngô Thị Quyên